

QUỐC HỘI  
Số: Không số

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 21 tháng 6 năm 1994

# LUẬT

## BẦU CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

*Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992, Luật này quy định việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.*

### CHƯƠNG I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1

Việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

##### Điều 2

Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hoá, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ hai mươi một tuổi trở lên có quyền ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật, trừ những người mất trí và những người bị pháp luật hoặc Toà án nhân dân tước các quyền đó.

##### Điều 3

Đại biểu Hội đồng nhân dân phải là người trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, người tiêu biểu trong nhân dân, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới làm cho dân giàu, nước mạnh, có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu chấp hành pháp luật, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, có trình độ hiểu biết và năng lực thực hiện nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân, tham gia quyết định những vấn đề quan trọng của địa phương, được nhân dân tín nhiệm.

##### Điều 4

Công dân có đủ điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Điều 2 và Điều 3 của Luật này chỉ được bầu làm đại biểu Hội đồng nhân dân không quá hai cấp; nếu đang là đại biểu Quốc hội chỉ được bầu làm đại biểu Hội đồng nhân dân ở một cấp.

## **Điều 5**

Ủy ban thường vụ Quốc hội giám sát việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, bảo đảm cuộc bầu cử tiến hành dân chủ, đúng pháp luật.

Chính phủ chỉ đạo Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện công tác bầu cử theo quy định của pháp luật.

## **Điều 6**

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở địa phương tổ chức hiệp thương lựa chọn, giới thiệu những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, tham gia giám sát việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

## **Điều 7**

Ủy ban thường vụ Quốc hội ấn định và công bố ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Ngày bầu cử phải là ngày chủ nhật và công bố chậm nhất là chín mươi ngày trước ngày bầu cử.

Trong trường hợp đặc biệt không thể tiến hành bầu cử theo đúng nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân thì Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

## **Điều 8**

Kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp do ngân sách Nhà nước đài thọ.

# **CHƯƠNG II**

## **SỐ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ĐƠN VỊ BẦU CỬ VÀ KHU VỰC BỎ PHIÊU**

## **Điều 9**

Số đại biểu Hội đồng nhân dân ở mỗi cấp được ấn định như sau :

1- Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn :

Xã, thị trấn miền xuôi có từ ba nghìn người trở xuống được bầu mười chín đại biểu, có trên ba nghìn người thì cứ thêm một nghìn năm trăm người được bầu thêm một đại biểu, nhưng tổng

số không quá hai mươi lăm đại biểu ;

Xã, thị trấn miền núi và hải đảo có từ hai nghìn người trở xuống được bầu mười chín đại biểu, có trên hai nghìn người thì cứ thêm năm trăm người được bầu thêm một đại biểu, nhưng tổng số không quá hai mươi lăm đại biểu ;

Xã có từ một nghìn người trở xuống được bầu mười lăm đại biểu ;

Phường có từ năm nghìn người trở xuống được bầu mười chín đại biểu, có trên năm nghìn người thì cứ thêm ba nghìn người được bầu thêm một đại biểu, nhưng tổng số không quá hai mươi lăm đại biểu.

2- Hội đồng nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh :

Huyện miền xuôi và quận có từ tám mươi nghìn người trở xuống được bầu hai mươi lăm đại biểu, có trên tám mươi nghìn người thì cứ thêm tám nghìn người được bầu thêm một đại biểu, nhưng tổng số không quá ba mươi lăm đại biểu ;

Huyện miền núi và hải đảo có từ bốn mươi nghìn người trở xuống được bầu hai mươi lăm đại biểu, có trên bốn mươi nghìn người thì cứ thêm bốn nghìn người được bầu thêm một đại biểu, nhưng tổng số không quá ba mươi lăm đại biểu ;

Thị xã có từ năm mươi nghìn người trở xuống được bầu hai mươi lăm đại biểu, có trên năm mươi nghìn người thì cứ thêm tám nghìn người được bầu thêm một đại biểu, nhưng tổng số không quá ba mươi lăm đại biểu ;

Thành phố thuộc tỉnh có từ tám mươi nghìn người trở xuống được bầu hai mươi lăm đại biểu, có trên tám mươi nghìn người thì cứ thêm mười nghìn người được bầu thêm một đại biểu, nhưng tổng số không quá ba mươi lăm đại biểu.

3- Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương :

Tỉnh miền xuôi và thành phố trực thuộc trung ương có từ một triệu người trở xuống được bầu bốn mươi lăm đại biểu, có trên một triệu người thì cứ thêm bốn mươi nghìn người được bầu thêm một đại biểu, nhưng tổng số không quá bảy mươi lăm đại biểu ;

Tỉnh miền núi có từ năm trăm nghìn người trở xuống được bầu bốn mươi lăm đại biểu, có trên năm trăm nghìn người thì cứ thêm hai mươi nghìn người được bầu thêm một đại biểu, nhưng tổng số không quá bảy mươi lăm đại biểu ;

Thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh có trên hai triệu rưỡi người được bầu không quá tám mươi lăm đại biểu.

#### **Điều 10**

Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được bầu theo đơn vị bầu cử. Mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu không quá ba đại biểu.

#### **Điều 11**

Số đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, danh sách các đơn vị và số đại biểu của mỗi đơn vị do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ấn định và phải được Chính phủ phê chuẩn.

Số đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở các đơn vị hành chính khác, danh sách các đơn vị và số đại biểu của mỗi đơn vị do Ủy ban nhân dân cùng cấp ấn định và phải được Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp phê chuẩn.

#### **Điều 12**

Danh sách các đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp nào do Ủy ban nhân dân cấp ấy gửi đến Hội đồng bầu cử cùng cấp. Chậm nhất là năm mươi ngày trước ngày bầu cử, Hội đồng bầu cử công bố danh sách các đơn vị bầu cử.

#### **Điều 13**

Mỗi đơn vị bầu cử chia thành nhiều khu vực bỏ phiếu. Mỗi khu vực bỏ phiếu có từ ba trăm đến hai nghìn cử tri.

ở miền núi, hải đảo và những nơi dân cư không tập trung, dù chưa tới ba trăm cử tri cũng có thể thành lập một khu vực bỏ phiếu.

Bệnh viện, nhà an dưỡng, nhà hộ sinh, nhà nuôi người tàn tật có từ năm mươi cử tri trở lên có thể thành lập khu vực bỏ phiếu riêng.

Việc chia khu vực bỏ phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn ấn định và phải được Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp phê chuẩn.

Đơn vị vũ trang nhân dân thành lập khu vực bỏ phiếu riêng.

### **CHƯƠNG III**

#### **CÁC TỔ CHỨC PHỤ TRÁCH BẦU CỬ**

#### **Điều 14**

Các tổ chức phụ trách bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân gồm có :

- Hội đồng bầu cử ;
- Ban bầu cử ;
- Tổ bầu cử.

## **Điều 15**

Chậm nhất là tám mươi ngày trước ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp nào thì Ủy ban nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp ấy thành lập Hội đồng bầu cử từ năm đến mười lăm người gồm đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội khác; ở xã, phường, thị trấn thì Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thành lập Hội đồng bầu cử từ năm đến chín người gồm đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức xã hội khác, Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

Hội đồng bầu cử bầu Chủ tịch, Phó chủ tịch và Thư ký.

Danh sách Hội đồng bầu cử tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải báo cáo lên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Danh sách Hội đồng bầu cử các cấp khác phải báo cáo lên Ủy ban nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trên trực tiếp.

Hội đồng bầu cử có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây :

- 1- Chỉ đạo việc tổ chức bầu cử ở địa phương, kiểm tra, đôn đốc việc thi hành các quy định của pháp luật về bầu cử ;
- 2- Nhận hồ sơ của người tự ứng cử và chuyển cho Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp ;
- 3- Xét và giải quyết những khiếu nại, tố cáo về công tác bầu cử của các Ban bầu cử, Tổ bầu cử ;
- 4- Công bố số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị và số đại biểu được bầu của mỗi đơn vị bầu cử ở địa phương mình ;
- 5- Nhận hồ sơ và công bố danh sách những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo từng đơn vị bầu cử, xét và giải quyết những khiếu nại về việc lập danh sách đó ;